

Quan niệm của Max Weber về đạo đức Tin Lành

Nguyễn Đức Luận¹

¹ Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
Email: luanvfu@gmail.com

Nhận ngày 29 tháng 4 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 5 năm 2017.

Tóm tắt: Max Weber có cách giải thích độc đáo, đáng suy ngẫm về sự hình thành của chủ nghĩa tư bản, nhưng ông lại tuyệt đối hóa vai trò của yếu tố ý thức, tinh thần, đặc biệt là đạo đức Tin Lành. Quan niệm đó của ông là sai lầm vì sự ra đời, tồn tại và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, trong đó có hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, do lực lượng sản xuất, các quy luật khách quan của xã hội quy định.

Từ khóa: Max Weber, đạo đức Tin Lành, chủ nghĩa tư bản.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Max Weber had a unique way of explanation of capitalism, which is worth studying, but he deemed that consciousness and spirit, especially the Protestant ethics, played absolute roles. That is a wrong view, because the birth, existence and development of socio-economic forms, including the capitalist one, are decided by the productive forces and objective rules of the society.

Keywords: Max Weber, Protestant ethics, capitalism.

Subject Classification: Philosophy

1. Mở đầu

Quan niệm của Max Weber về đạo đức Tin Lành và vai trò của nó trong quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản được thể hiện chủ yếu trong cuốn sách *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* [2]. Quan niệm đó của ông là sai lầm vì tuyệt đối hóa vai trò của đạo đức Tin Lành. Tuy nhiên, nhiều người không nhận thức rõ sai lầm đó. Bài viết này phân tích quan niệm

của Max Weber về đạo đức Tin Lành và vai trò của nó trong quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản.

2. Quan niệm của Max Weber về nội dung đạo đức Tin Lành

Đạo đức Tin Lành mà Max Weber phân tích trong cuốn *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* chủ yếu là

quan niệm của phái Calvin (dựa trên bản *Tuyên tín Westminster* năm 1647). Theo quan niệm đó, có một Đấng Thiên Chúa tuyệt đối, siêu việt tạo nên và cai trị trời đất, nhưng nằm ngoài khả năng hiểu biết của trí tuệ hữu hạn của con người; Đấng Thiên Chúa toàn năng và huyền bí này đã tiền định sự cứu hộ hay sự kết án đối với mỗi con người và chúng ta không thể thay đổi được điều này bằng sự nghiệp của mình; Thiên Chúa đã tạo dựng ra thế giới vì sự vinh quang của chính Người; con người dù được cứu độ hay bị kết án đều có nghĩa vụ lao động cho sự vinh quang của Thiên Chúa và tạo dựng nên vương quốc của Người ngay trên thế giới này; những công việc trần thế, bản tính con người và thân xác đều thuộc về trật tự của tội lỗi và sự chết, và đối với loài người, sự cứu độ chỉ có thể là một món quà tặng không của ân huệ Thiên Chúa [2, tr.24].

Max Weber hiểu rằng, những yếu tố trên đây cũng xuất hiện tản mạn trong giáo thuyết của các tôn giáo khác, nhưng chỉ duy nhất trong đạo Tin Lành mới có sự nối kết của tất cả các yếu tố đó. Điều này dẫn đến hệ quả là, tín đồ theo giáo phái Calvin không thể biết được mình sẽ được cứu độ hay bị kết án, từ đó họ cảm thấy lo âu. Để thoát khỏi nỗi lo âu đó, họ sẽ đi tìm trong thế giới này những dấu hiệu chứng tỏ mình được chọn. Vì vậy mà một số tông đồ chứng tỏ mình được chọn và một số tông đồ phái Calvin cuối cùng đã tìm ra chứng cứ rằng họ được Thiên Chúa chọn thông qua thành quả và sự nghiệp của mình trong thế gian, trong đó có sự thành công về mặt kinh tế. Theo đó, cá nhân bị thúc đẩy đến chỗ phải cần cù làm việc để vượt qua nỗi khắc khoải về việc không biết mình có được cứu hay không. Ông viết: “Thay vào chỗ của

những kẻ tội lỗi đầy lòng khiêm hạ vốn được Luther hứa hẹn ân sủng nếu họ tự phó thác mình cho Thiên Chúa trong một lòng tin sám hối, xuất hiện “các vị thánh” tự tin mà chúng ta có thể bắt gặp nơi các thương gia puritanist với ý chí sắt thép của thời đại anh hùng của chủ nghĩa tư bản, và kể cả ngày nay nơi một số gương mặt điển hình. Mặt khác, để đạt tới sự tự tin này, cách thức thích hợp nhất được khuyến khích là *hãy làm việc không nghỉ ngơi trong một nghề*. Điều này, và chỉ điều này thôi, mới xua tan được nỗi hoài nghi về mặt tôn giáo và đem lại sự tin chắc về ân sủng” [2, tr.192].

Khi nói đến nền đạo đức Tin Lành, Max Weber đặc biệt chú ý đến khái niệm “Beruf” (khái niệm của thần học Tin Lành). Theo ông, “Beruf” không phải chỉ có nghĩa đơn giản là nghề nghiệp, mà còn có ý nghĩa là thiên chức, một phận sự do Thiên Chúa chỉ định; vì thế, nó đi liền với khái niệm “bổn phận”. Với Max Weber, đây chính là sản phẩm hết sức mới mẻ của cuộc cải cách của đạo Tin Lành. Ý nghĩa này biểu lộ tín điều trung tâm của tất cả các giáo phái Tin Lành vốn bác bỏ sự phân biệt các điều răn đạo đức nơi người công giáo thành các *praecepta* (mệnh lệnh) và các *consilia* (lời khuyên) [2, tr.141, 142].

Khi nói về mối quan hệ giữa “Beruf” và tinh thần của chủ nghĩa tư bản, Max Weber viết: “Một trong các bộ phận cấu thành của tinh thần tư bản chủ nghĩa hiện đại, và không chỉ của tinh thần này, mà cả của chính nền văn hóa hiện đại, tức là lối sống thuần lý dựa trên ý tưởng Beruf, đã được phát sinh từ tinh thần của nền khổ hạnh Kitô giáo - đó chính là điều mà các trình bày của chúng tôi muốn chứng minh” [2, tr.326].

Từ những lập luận đó, Max Weber đã tóm tắt quan điểm đạo đức của giáo phái Calvin như sau: “Cách duy nhất để có một cuộc sống đẹp lòng Thiên Chúa không phải là vượt lên trên nền đạo đức của đời sống trần thế bằng lối sống khổ hạnh trong tu viện, mà chính là chu toàn trong thế gian các bổn phận tương ứng với chức phận mà cuộc sống dành cho mỗi người trong xã hội - chính vì thế mà các bổn phận trở thành “thiên chức” của mỗi người” [2, tr.142].

Theo Max Weber, khái niệm trung tâm của đạo đức Tin Lành (phái Calvin) chính là “Beruf”. Một trong các bộ phận cấu thành của tinh thần tư bản chủ nghĩa hiện đại, của nền văn hóa hiện đại là lối sống thuần lý dựa trên ý tưởng “Beruf”. “Beruf” được hiểu theo nghĩa không chỉ là nghề nghiệp, mà quan trọng hơn đó còn là thiên chức, phận sự, bổn phận của con người. Với tinh thần đó, các cá nhân bị thúc đẩy đến chỗ phải cần cù làm việc để vượt qua nỗi khắc khoải về việc không biết mình có được cứu hay không; họ được khuyến khích hãy làm việc không ngừng nghỉ trong một nghề; chỉ như vậy họ mới xua tan được nỗi hoài nghi tôn giáo và đem lại niềm tin về ân sủng.

3. Quan niệm của Max Weber về vai trò của đạo đức Tin Lành đối với chủ nghĩa tư bản

Khi nói về chủ nghĩa tư bản, Max Weber cho rằng, trái với hình dung của nhiều người, chủ nghĩa tư bản hoàn toàn không phải là hệ quả của lòng háms lợi hay máu tham tiền (vốn là những hiện tượng mà người ta có thể bắt gặp ở bất cứ xã hội nào và bất cứ thời đại nào). Ông viết: “Lòng háms lợi vô độ không hề giống chút nào với chủ nghĩa tư bản, và lại càng không mấy

may liên quan gì tới “tinh thần” của nó” [2, tr.51]. Ngược lại, chủ nghĩa tư bản, theo Max Weber “chính là sự chế ngự hay chí ít là sự điều tiết bằng lý tính, cái bản năng phi lý tính ấy” [2, tr.52].

Max Weber đặt ra một câu hỏi mấu chốt là: tại sao các quá trình đặc trưng của chủ nghĩa tư bản Châu Âu cận đại chỉ xảy ra ở Châu Âu, chứ không xảy ra ở các nền văn hóa khác? Theo ông, câu hỏi này có liên quan đến đạo đức Tin Lành.

Max Weber luôn nhấn mạnh rằng, nền đạo đức Tin Lành đòi hỏi các tín đồ của mình phải cảnh giác và dè chừng đối với của cải thế gian, phải có một lối sống khổ hạnh, phải làm việc một cách duy lý nhằm tạo ra doanh lợi, phải tiêu xài không hoang phí doanh lợi này. Đây chính là lối ứng xử cần thiết cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, bởi điều đó có nghĩa là họ sẽ không ngừng tái đầu tư số lợi nhuận mới được tạo ra. Theo Max Weber, sự khổ hạnh tại thế của đạo đức Tin Lành đã chống lại một cách có hiệu quả việc hưởng thụ hồn nhiên của cải và kìm hãm sự tiêu dùng. Tất nhiên, điều này “hoàn toàn không có chuyện bắt những người có của phải chịu các kiểu hành xác, mà là bắt họ phải sử dụng tài sản của họ vào mục tiêu cần thiết và hữu ích thực tế” [2, tr.310-311].

Về phương diện sản xuất của cải, Max Weber cho rằng, lối sống khổ hạnh đấu tranh chống lại sự bất lương cũng như lòng tham lam thuần túy do bản năng. Ông viết: “lối sống khổ hạnh không chỉ thấy tuyệt đỉnh của cái đáng trách là việc đuổi theo sự giàu có như là cứu cánh tự thân, mà còn đồng thời xem sự giàu có (thành quả của lao động nghề nghiệp) như là sự chúc phúc của Thiên Chúa. Còn quan trọng hơn nữa, chính sự đánh giá tôn giáo về việc lao động không ngừng nghỉ, liên tục, có hệ thống trong một nghề nghiệp thể tục vừa

như là phương tiện khổ hạnh cao nhất và vừa như là bằng chứng chắc chắn nhất, hiển nhiên nhất của sự tái sinh và của đức tin đích thực, có thể là đòn bẩy mạnh nhất có thể tưởng tượng ra được cho sự bành trướng của quan niệm này về cuộc đời mà chúng tôi gọi, ở đây, là “tinh thần” của chủ nghĩa tư bản” [2, tr.312].

Từ những phân tích trên, Max Weber cho rằng, nếu việc tiết kiệm tiêu dùng kết hợp với việc giải phóng hoạt động theo đuổi doanh lợi ấy sẽ dẫn đến kết quả là vốn liếng được hình thành nhờ sự tiết kiệm [2, tr.313].

Giải thích về mối liên hệ giữa đạo đức Tin Lành và sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, Max Weber còn nhấn mạnh rằng, khi nguyên tắc “làm tối đa ở cả hai thế giới” trở thành một trong các phương tiện để hưởng cuộc sống tiện nghi. Điều mà thế kỷ XVII đã đặc biệt lưu lại cho thời đại sau, thời đại kế thừa vị lợi, chính là một lương tâm không hối hận một cách đáng ngạc nhiên khi việc kiếm tiền này được thực hiện một cách hợp pháp. Ông viết: “Một ethos” (tập quán) “đặc thù tư sản về nghề nghiệp đã ra đời. Ý thức rằng mình được hưởng toàn vẹn ân sủng của Thiên Chúa, rằng mình hiển nhiên là một tạo vật được Người chúc phúc, nhà kinh doanh tư sản có thể yên tâm chăm lo các quyền lợi về tiền bạc của mình, và hơn thế nữa, ông ta có bổn phận hành động như vậy, chừng nào mà ông ta chưa vượt ra khỏi các giới hạn của một cách cư xử đúng đắn về hình thức, chừng nào mà lối ứng xử đạo đức của ông ta vẫn không có gì đáng chê trách và việc sử dụng của cải của ông ta không có gì chướng tai gai mắt. Và lại, sức mạnh của nền khổ hạnh tôn giáo cho phép

ông ta có được những người thợ đam bạc, có lương tâm, rất chuyên cần, và gắn bó với công việc của mình vốn được xem như là cứu cánh cuộc đời mà Thiên Chúa mong muốn” [2, tr.320-321].

Vậy tại sao lối sống khổ hạnh theo quan điểm đạo đức Tin Lành lại dẫn đến sự hình thành chủ nghĩa tư bản? Về điều này, Max Weber giải thích như sau: “Ta không ngạc nhiên khi thấy là toàn bộ các trước tác khổ hạnh của hầu hết mọi giáo phái đều thấm sâu bởi ý tưởng cho rằng, đối với những người mà cuộc đời hoàn toàn không có một may mắn nào khác, lao động một cách trung thực, dù là để lĩnh lương thấp, là điều làm hài lòng Thiên Chúa vô cùng. Về điểm này, lối sống khổ hạnh Tin Lành tự nó không đem lại cái gì mới mẻ cả. Tuy nhiên, nó không những đã đào sâu đáng kể quan niệm này, mà còn tạo ra chuẩn mực duy nhất có tính quyết định cho hiệu quả của nó: đó là động lực tâm lý nhờ có lao động với tư cách là thiên chức trở thành phương tiện tốt nhất, nếu không phải là duy nhất, để chắc chắn có được trạng thái ân sủng. Mặt khác, lối sống khổ hạnh Tin Lành đã hợp pháp hóa việc khai thác thiên chức lao động đó bằng cách lý giải hoạt động chiếm hữu của doanh nhân như là “thiên chức”” [2, tr.324-325].

Như vậy, theo Max Weber, chủ nghĩa tư bản hoàn toàn không phải là hệ quả của lòng háms lợi hay máu tham tiền, mà là sự chế ngự, điều tiết bằng lý tính cái bản năng phi lý tính ấy. Max Weber lập luận rằng, làm việc một cách duy lý nhằm tạo ra doanh lợi và không tiêu xài hoang phí doanh lợi này, đây chính là lối ứng xử cần thiết cho sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Chính đạo đức Tin Lành đã tạo ra lối ứng xử đó. Bởi lẽ, nền khổ hạnh tại thế của đạo đức Tin Lành đã chống lại

một cách có hiệu quả việc hưởng thụ hồn nhiên của cải và kìm hãm sự tiêu dùng; đồng thời, nó bẻ gãy các xiềng xích cản trở khuynh hướng chiếm hữu doanh lợi, không những bằng cách hợp pháp hóa nó, mà còn bằng cách xem nó như là ý muốn trực tiếp của Thiên Chúa. Chính từ sự kết hợp giữa việc kìm hãm tiêu dùng và việc giải phóng hoạt động theo đuổi doanh lợi mà vốn liếng được hình thành. Theo Max Weber, với đạo đức Tin Lành, một tập quán đặc thù tư sản về nghề nghiệp đã ra đời. Với ý thức rằng mình được hưởng toàn vẹn ân sủng của Thiên Chúa, nhà kinh doanh tư sản có thể yên tâm chăm lo các quyền lợi về tiền bạc của mình, coi đó như là bổn phận; những người thợ sẽ trở lên đăm đăm, có lương tâm, chuyên cần và gắn bó với công việc của mình. Sức mạnh của lối sống khổ hạnh tôn giáo làm người ta vững lòng rằng sự phân phối của cải bất bình đẳng trong đời này chính là một kết quả hoàn toàn đặc biệt của sự an bài của Thiên Chúa. Vẫn theo Max Weber, nền đạo đức Tin Lành đã tạo ra động lực tâm lý (theo đó, lao động trở thành phương tiện tốt nhất để có được trạng thái ân sủng); mặt khác đã hợp pháp hóa việc khai thác thiến chí lao động.

4. Kết luận

Trong tác phẩm *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Max Weber đã đưa ra ý kiến riêng của mình về vai trò động lực của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội, đối với đời sống kinh tế, với quá trình

hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Tuy Max Weber chỉ lý giải vai trò của nhân tố tinh thần đối với quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản; song ông có xu hướng tuyệt đối hóa vai trò của ý thức cá nhân, ý thức xã hội khi lý giải về sự hình thành của chủ nghĩa tư bản. Hơn nữa, ý thức xã hội mà Max Weber xu hướng tuyệt đối hóa là ý thức tôn giáo, đó là một hình thái ý thức xã hội sai lầm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Max Weber (2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [3] Trần Hữu Quang, Bùi Văn Nam Sơn (2008), “Lời giới thiệu” *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [4] Trung tâm Nghiên cứu Bắc Mỹ - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (2003), *Chủ nghĩa tư bản đầu thế kỷ XXI*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Trần Hữu Vui (2007), *Lịch sử Triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Viện Thông tin Khoa học Xã hội - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (2002), “Một chủ nghĩa tư bản mới hay những diện mạo mới của chủ nghĩa tư bản”, *Thông tin Khoa học Xã hội - Chuyên đề*, Hà Nội.